

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 167/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2022

V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng và ông Huỳnh Văn Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 653/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 160/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Kim T; Địa chỉ: Đường M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Kim T trình bày:

Tôi và bà Lê Thị H tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/11/1997.

Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2016. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn đã rất trầm trọng. Nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với bà Lê Thị H.

Về con chung: Ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị H có 02 con chung: Nguyễn Thị D, sinh năm 1999 và Nguyễn Kim V, sinh năm 2003 các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện ông T yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung giữa ông và bà H, tuy nhiên ngày 23/8/2022 ông T đã tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu chia tài sản chung.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Kim T tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/11/1997.

Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên đã sống ly thân từ năm 2016, nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì tôi cũng chấp nhận ly hôn với ông Nguyễn Kim T.

Về con chung: Tôi và ông T có 02 con chung: Nguyễn Thị D, sinh năm 1999 và Nguyễn Kim V, sinh năm 2003 các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không đồng ý chia tài sản chung mà có nguyện vọng hiện nay nhà ai người đó ở, sau này để lại cho con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, điều 72 BLTTDS.

Về nội dung:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 ; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Kim T được ly hôn bà Lê Thị H.

Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị H có 02 con chung: Nguyễn Thị D, sinh năm 1999 và Nguyễn Kim V, sinh năm 2003 đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Kim T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, khấu trừ vào số tiền 17.300.000đ tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0004725 ngày 21/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, sau khi khấu trừ ông T còn được nhận lại 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Nguyễn Kim T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn bà Lê Thị H cư trú tại đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của ông Nguyễn Kim T xin ly hôn bà Lê Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T, bà H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/11/1997 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; theo ông T trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2016, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông T xin được ly hôn với bà Lê Thị H; Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà H thừa nhận về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng là đúng, bà H cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông T được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông T, bà H đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T, bà H thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung: Nguyễn Thị D, sinh năm 1999 và Nguyễn Kim V, sinh năm 2003 các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện ông T yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung giữa ông và bà H, tuy nhiên ngày 23/8/2022 ông T đã tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Ông Nguyễn Kim T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, khấu trừ vào số tiền 17.300.000đ tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0004725 ngày 21/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, sau khi khấu trừ ông T còn được nhận lại 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Nguyễn Kim T phải chịu 6.000.000đ chi phí thẩm định và định giá tài sản, ông T đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 ; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Kim T được ly hôn bà Lê Thị H.

Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Kim T và bà Lê Thị H có 02 con chung: Nguyễn Thị D, sinh năm 1999 và Nguyễn Kim V, sinh năm 2003 đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, khấu trừ vào số tiền 17.300.000đ (Mười bảy triệu ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0004725 ngày 21/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố

Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, sau khi khấu trừ ông T còn được nhận lại 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Bà Lê Thị H không phải chịu án phí.

Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Nguyễn Kim T phải chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) chi phí thẩm định và định giá tài sản, ông T đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt